

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3420/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 11 năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: <u>C</u>
	Ngày: <u>13/11/17</u>

QUYẾT ĐỊNH

Quy định áp dụng thống nhất mã định danh cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong việc trao đổi văn bản điện tử qua trực liên thông văn bản, hệ thống phần mềm quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ C Ngày 13/11.....

Kính chuyển: UBT..... **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối liên thông các hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc”;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1286/TTr-STTTT ngày 26/10/2017 về việc quy định áp dụng thống nhất mã định danh cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong việc trao đổi văn bản điện tử qua trực liên thông văn bản và hệ thống phần mềm quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định áp dụng thống nhất mã định danh cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tham gia trao đổi văn bản điện tử qua trực liên thông văn bản và hệ thống quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc, như sau:

1. Danh sách mã định danh của cơ quan đảng, nhà nước và các đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên (quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

2. Cấu trúc mã định danh có 13 ký tự (bao gồm cả dấu chấm), chia thành bốn nhóm (mã cấp 1, mã cấp 2, mã cấp 3, mã cấp 4), các nhóm phân tách bởi dấu chấm, như sau:

V₁V₂V₃.Z₁Z₂.Y₁Y₂.M55

Trong đó:

a) M55: Là mã định danh của các cơ quan, đơn vị của tỉnh Thái Nguyên, để xác định các đơn vị cấp 1 (mã cấp 1), với ký tự M là các ký tự chữ cái in hoa từ A đến Z (theo bảng chữ cái tiếng Anh) quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Y₁Y₂: Là mã xác định cơ quan đơn vị cấp 2 (mã cấp 2), gồm 02 ký tự chữ số từ 00 đến 99, sử dụng cho các cơ quan đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị cấp 1 của tỉnh Thái Nguyên.

c) Z₁Z₂: Là mã xác định cơ quan đơn vị cấp 3 (mã cấp 3), gồm 02 ký tự chữ số từ 00 đến 99, sử dụng cho các cơ quan đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị cấp 2 của tỉnh Thái Nguyên.

d) V₁V₂V₃: Là mã xác định cơ quan đơn vị cấp 4 (mã cấp 4), gồm 03 ký tự chữ số từ 000 đến 999, sử dụng cho các cơ quan đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị cấp 3 của tỉnh Thái Nguyên.

3. Hệ thống mã số định danh cơ quan đảng, cơ quan nhà nước quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này được sử dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh, để thực hiện việc:

a) Xác định, định danh các cơ quan, đơn vị trên diện bản tỉnh khi tham gia trao đổi liên thông văn bản điện tử trên trục liên thông văn bản trong nội bộ tỉnh và với Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương các tỉnh thành phố trong cả nước bằng phần mềm quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc.

b) Phục vụ kết nối liên thông các hệ thống quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc;

c) Quản lý, kiểm soát theo dõi tình hình liên thông trao đổi văn bản điện tử.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã có trách nhiệm áp dụng hệ thống mã định danh quy định tại Điều 1 của Quyết định này trong kết nối liên thông hệ thống quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc, trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện hiện đại hóa nền hành chính. Có trách nhiệm phối hợp, đề nghị thống nhất với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ mã định danh của cơ quan, đơn vị trực thuộc đơn vị mình theo quy định về phân cấp quản lý.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc cấp mới bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ mã định danh cơ quan đơn vị đã được quy định và chưa được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo. Có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh hoàn thiện dữ liệu mã định danh theo quyết định này trên địa bàn tỉnh, nâng cấp hoàn thiện dữ liệu mã định danh trên trục liên thông văn bản, hệ thống quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc dùng chung thống nhất trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông ban hành quy định mã định danh cơ quan đơn vị cấp 4 khi có nhu cầu, đủ điều kiện tham gia kết nối hệ thống quản lý văn bản đi đến và điều hành công việc của UBND tỉnh Thái Nguyên.

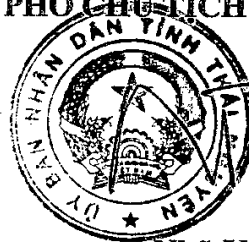
4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện đồng bộ hệ thống mã số định danh ban hành kèm theo quyết định này để thực hiện điện tử hóa hệ thống quản lý ISO 9001:2015 (ISO điện tử).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ và Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ctct*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nhữ Văn Tâm

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH MÃ SỐ ĐỊNH DANH CỦA CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG KẾT NỐI HỆ THỐNG
QUẢN LÝ VĂN BẢN ĐI ĐẾN VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG VIỆC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

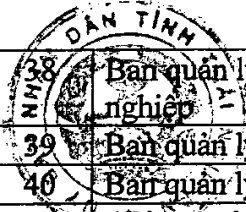
1. Bảng 1- Mã định danh cơ quan, đơn vị cấp 1 (Mã cấp 1)

TT	Tên cơ quan, đơn vị có mã định danh cấp 1	Mã định danh
1	Tỉnh ủy Thái Nguyên	000.00.00.A55
2	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên (Văn phòng Đoàn đại biểu QH)	000.00.01.K55
3	Hội đồng nhân dân tỉnh	000.00.00.K55
4	Ủy ban nhân dân tỉnh	000.00.00.H55
5	Tòa án nhân dân tỉnh	000.00.00.D55
6	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	000.00.00.E55
7	Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên	000.00.00.I55
8	Hội nông dân tỉnh Thái Nguyên	000.00.01.I55
9	Hội Cựu chiến binh tỉnh Thái Nguyên	000.00.02.I55
10	Tỉnh đoàn Thái Nguyên	000.00.03.I55
11	Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên	000.00.04.I55
12	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	000.00.05.I55
13	Nhóm các tổ chức, đơn vị nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp	000.00.00.J55
	<i>(Nhóm các chữ cái còn lại, dùng để dự trữ trong tương lại và bổ sung mới)</i>	

2. Bảng 2- Mã định danh các cơ quan, đơn vị cấp 2 (Mã cấp 2)

TT	Tên cơ quan, đơn vị có mã định danh cấp 2	Mã cơ quan UBND tỉnh
I	TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	000.00.01.A55
2	Ban Tổ chức	000.00.02.A55
3	Ủy Ban kiểm tra	000.00.03.A55
4	Ban Nội chính	000.00.04.A55
5	Ban Dân vận	000.00.05.A55
6	Ban Tuyên giáo	000.00.06.A55
7	Đảng ủy Khối CQ tỉnh	000.00.07.A55
8	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	000.00.08.A55
II	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	000.00.02.K55

2	Ban Kinh tế Ngân sách	000.00.03.K55
3	Ban Văn hóa xã hội	000.00.04.K55
4	Ban Pháp chế	000.00.05.K55
5	Ban Dân tộc	000.00.06.K55
III	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	
1	Văn phòng UBND	000.00.01.H55
2	Sở Nội vụ	000.00.02.H55
3	Sở Ngoại vụ	000.00.03.H55
4	Sở Khoa học và Công nghệ	000.00.04.H55
5	Sở Tài Nguyên và Môi trường	000.00.05.H55
6	Sở Kế hoạch Đầu tư	000.00.06.H55
7	Sở Xây dựng	000.00.07.H55
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	000.00.08.H55
9	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	000.00.09.H55
10	Sở Y tế	000.00.10.H55
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	000.00.11.H55
12	Sở Công thương	000.00.12.H55
13	Sở Tư pháp	000.00.13.H55
14	Sở Giao thông vận tải	000.00.14.H55
15	Sở Thông tin và Truyền thông	000.00.15.H55
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.00.16.H55
17	Sở Tài chính	000.00.17.H55
18	Thanh tra	000.00.18.H55
19	Sở Phòng cháy và Chữa cháy	000.00.19.H55
20	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	000.00.20.H55
21	Ban Dân tộc	000.00.21.H55
22	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	000.00.22.H55
23	Ban Chỉ đạo công tác Giải phóng mặt bằng	000.00.23.H55
24	Ban Quản lý khu Di tích ATK Định Hóa	000.00.24.H55
25	Ban Quản lý khu du lịch vùng Hồ Núi Cốc	000.00.25.H55
26	Trung tâm Phát triển Quỹ nhà đất	000.00.26.H55
27	Liên minh Hợp tác xã	000.00.27.H55
28	Quỹ phát triển đất	000.00.28.H55
29	Cục thuế tỉnh Thái Nguyên	000.00.29.H55
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	000.00.30.H55
31	Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên	000.00.31.H55
32	Ngân hàng nhà nước tỉnh Thái Nguyên	000.00.32.H55
33	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thái Nguyên	000.00.33.H55
34	Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên	000.00.34.H55
35	Trường Cao đẳng sư phạm Thái Nguyên	000.00.35.H55
36	Trường Cao đẳng kinh tế tài chính Thái Nguyên	000.00.36.H55
37	Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên	000.00.37.H55



38	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp	000.00.38.H55
39	Ban quản lý các dự án đầu tư công trình giao thông	000.00.39.H55
40	Ban quản lý các dự án đầu tư nông nghiệp	000.00.40.H55
	(Các số còn lại của mã cấp 2, dùng dự trữ và bổ sung đơn vị khi có nhu cầu liên thông văn bản điện tử trên trực liên thông của tỉnh Thái Nguyên)	
41	UBND thành phố Thái Nguyên	000.00.91.H55
42	UBND thành phố Sông Công	000.00.92.H55
43	UBND thị xã Phổ Yên	000.00.93.H55
44	UBND huyện Phú Bình	000.00.94.H55
45	UBND huyện Đồng Hỷ	000.00.95.H55
46	UBND huyện Phú Lương	000.00.96.H55
47	UBND huyện Đại Từ	000.00.97.H55
48	UBND huyện Võ Nhai	000.00.98.H55
49	UBND huyện Định Hóa	000.00.99.H55

3. Bảng 2- Mã định danh các cơ quan, đơn vị cấp 3 (Mã cấp 3)

TT	Tên cơ quan, đơn vị có mã định danh cấp 3	Mã định danh
A	Đơn vị Phường, Xã, Thị trấn	
I	UBND thành phố Thái Nguyên	
1	Phường Quán Triều	000.01.91.H55
2	Phường Quang Vinh	000.02.91.H55
3	Phường Túc Duyên	000.03.91.H55
4	Phường Hoàng Văn Thụ	000.04.91.H55
5	Phường Trung Vương	000.05.91.H55
6	Phường Quang Trung	000.06.91.H55
7	Phường Phan Đình Phùng	000.07.91.H55
8	Phường Tân Thịnh	000.08.91.H55
9	Phường Thịnh Đán	000.09.91.H55
10	Phường Đồng Quang	000.10.91.H55
11	Phường Gia Sàng	000.11.91.H55
12	Phường Tân Lập	000.12.91.H55
13	Phường Cam Giá	000.13.91.H55
14	Phường Phú Xá	000.14.91.H55
15	Phường Hương Sơn	000.15.91.H55
16	Phường Trung Thành	000.16.91.H55
17	Phường Tân Thành	000.17.91.H55
18	Phường Tân Long	000.18.91.H55
19	Xã Phúc Hà	000.19.91.H55
20	Xã Phúc Xuân	000.20.91.H55
21	Xã Quyết Thắng	000.21.91.H55

103	Xã Thượng Nung	000.06.98.H55
104	Xã Phú Thượng	000.07.98.H55
105	Xã Cúc Đường	000.08.98.H55
106	Xã La Hiên	000.09.98.H55
107	Xã Lâu Thượng	000.10.98.H55
108	Xã Trảng Xá	000.11.98.H55
109	Xã Phương Giao	000.12.98.H55
110	Xã Liên Minh	000.13.98.H55
111	Xã Dân Tiến	000.14.98.H55
112	Xã Bình Long	000.15.98.H55
VII	Huyện Đại Từ	
113	Thị trấn Hùng Sơn	000.01.97.H55
114	Thị trấn Quân Chu	000.02.97.H55
115	Xã Phúc Lương	000.03.97.H55
116	Xã Minh Tiến	000.04.97.H55
117	Xã Yên Lãng	000.05.97.H55
118	Xã Đức Lương	000.06.97.H55
119	Xã Phú Cường	000.07.97.H55
120	Xã Na Mao	000.08.97.H55
121	Xã Phú Lạc	000.09.97.H55
122	Xã Tân Linh	000.10.97.H55
123	Xã Phú Thịnh	000.11.97.H55
124	Xã Phục Linh	000.12.97.H55
125	Xã Phú Xuyên	000.13.97.H55
126	Xã Bản Ngoại	000.14.97.H55
127	Xã Tiên Hội	000.15.97.H55
128	Xã Cù Vân	000.16.97.H55
129	Xã Hà Thượng	000.17.97.H55
130	Xã La Bằng	000.18.97.H55
131	Xã Hoàng Nông	000.19.97.H55
132	Xã Khôi Kỳ	000.20.97.H55
133	Xã An Khánh	000.21.97.H55
134	Xã Tân Thái	000.22.97.H55
135	Xã Bình Thuận	000.23.97.H55
136	Xã Lục Ba	000.24.97.H55
137	Xã Mỹ Yên	000.25.97.H55
138	Xã Vạn Thọ	000.26.97.H55
139	Xã Văn Yên	000.27.97.H55
140	Xã Ký Phú	000.28.97.H55
141	Xã Cát Nê	000.29.97.H55
142	Xã Quân Chu	000.30.97.H55
VIII	Thị xã Phổ Yên	
143	Phường Bãi Bông	000.01.93.H55

144	Phường Bắc Sơn	000.02.93.H55
145	Phường Bắc Hàng	000.03.93.H55
146	Xã Phúc Tân	000.04.93.H55
147	Xã Phúc Thuận	000.05.93.H55
148	Xã Hồng Tiến	000.06.93.H55
149	Xã Minh Đức	000.07.93.H55
150	Xã Đắc Sơn	000.08.93.H55
151	Phường Đồng Tiến	000.09.93.H55
152	Xã Thành Công	000.10.93.H55
153	Xã Tiên Phong	000.11.93.H55
154	Xã Vạn Phái	000.12.93.H55
155	Xã Nam Tiến	000.13.93.H55
156	Xã Tân Hương	000.14.93.H55
157	Xã Đông Cao	000.15.93.H55
158	Xã Trung Thành	000.16.93.H55
159	Xã Tân Phú	000.17.93.H55
160	Xã Thuận Thành	000.18.93.H55
IX	Huyện Phú Bình	
161	Thị trấn Hương Sơn	000.01.94.H55
162	Xã Bàn Đạt	000.02.94.H55
163	Xã Tân Khánh	000.03.94.H55
164	Xã Tân Kim	000.04.94.H55
165	Xã Tân Thành	000.05.94.H55
166	Xã Đào Xá	000.06.94.H55
167	Xã Bảo Lý	000.07.94.H55
168	Xã Thượng Đình	000.08.94.H55
169	Xã Tân Hòa	000.09.94.H55
170	Xã Nhã Lộng	000.10.94.H55
171	Xã Diêm Thụy	000.11.94.H55
172	Xã Xuân Phương	000.12.94.H55
173	Xã Tân Đức	000.13.94.H55
174	Xã Úc Kỳ	000.14.94.H55
175	Xã Lương Phú	000.15.94.H55
176	Xã Nga Mỹ	000.16.94.H55
177	Xã Kha Sơn	000.17.94.H55
178	Xã Thanh Ninh	000.18.94.H55
179	Xã Dương Thành	000.19.94.H55
180	Xã Hà Châu	000.20.94.H55
B	Các cơ quan chuyên môn thuộc nhóm cấp 2 thuộc UBND tỉnh	
	Sở Nội vụ	
181	Chi cục Văn thư lưu trữ	000.01.02.H55
182	Ban Tôn giáo	000.02.02.H55

183	Ban Thi đua và khen thưởng	000.03.02.H55
184	Sở Khoa học và Công nghệ	
185	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	000.01.04.H55
	Sở Tài Nguyên và Môi trường	
186	Chi cục Bảo vệ môi trường	000.01.05.H55
187	Văn phòng đăng ký đất đai	000.02.05.H55
188	Quỹ bảo vệ môi trường	000.03.05.H55
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
189	Chi cục Kiểm lâm	000.01.16.H55
190	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	000.02.16.H55
191	Chi cục Thủy sản	000.03.16.H55
192	Chi cục Thủy lợi	000.04.16.H55
193	Chi cục Thú y	000.05.16.H55
194	Chi cục Phát triển nông thôn	000.06.16.H55
195	Chi cục Quản lý chất lượng và Nông lâm thủy sản	000.07.16.H55
196	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	000.08.16.H55
	Sở Y tế	
197	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	000.01.10.H55
198	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	000.02.10.H55
	Sở Công Thương	
199	Chi cục quản lý thị trường	000.01.12.H55
	Sở Lao động và Thương binh xã hội	
200	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	000.01.09.H55

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN